

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2025- 2026

MÔN ĐỊA LÍ LỚP 9

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (11 câu; 3,5 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (6 câu; 1,5 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án đúng.

Câu 1. Tất cả các tỉnh, thành phố của vùng Bắc Trung Bộ

- A. đều tiếp giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng.
- B. đều giáp với Biển Đông rộng lớn ở phía đông.
- C. có đường biên giới với Lào và Cam-pu-chia.
- D. đều giáp với Nam Trung Bộ và nước bạn Lào.

Câu 2. Thành phần dân tộc nào sau đây phổ biến ở Bắc Trung Bộ?

- A. Mường.
- B. Chăm.
- C. Khơ-me.
- D. Ba-na.

Câu 3. Dải đồng bằng hẹp ven biển phía đông có đất phù sa và đất cát pha của Nam Trung Bộ rất thích hợp để

- A. trồng cây công nghiệp hàng năm.
- B. trồng cây ăn quả.
- C. trồng cây công nghiệp lâu năm.
- D. nuôi trồng thủy sản.

Câu 4. Nhà máy điện nào sau đây ở vùng Nam Trung Bộ là nhà máy điện gió?

- A. Buôn Ku-ốp.
- B. I-a-ly.
- C. Buôn Tua Srah.
- D. Ea Nam.

Câu 5. Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Tháp.
- B. Lâm Đồng.
- C. An Giang.
- D. Tây Ninh.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm dân cư ở vùng Đông Nam Bộ ?

- A. Đây là vùng có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.
- B. Đây là vùng có số dân và tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước.
- C. Mật độ dân số của vùng thấp hơn trung bình của cả nước.
- D. Qui mô dân số của vùng tăng nhanh và có sức hút nhập cư lớn.

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (1 câu; 1,0 điểm)

Học sinh trả lời câu 7 Trong mỗi ý a), b), c), d) Học sinh chọn phương án đúng hoặc phương án sai. (Đúng ghi Đ; Sai ghi S).

Câu 7. Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH RỪNG VÀ SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA BẮC TRUNG BỘ,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2024**

Năm	2010	2015	2020	2024
Tổng diện tích rừng(ngàn ha)	2807,2	3045,0	3126,7	3169,3

Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	2127,3	2236,0	2205,5	2203,3
Sản lượng gỗ khai thác (nghìn m ³)	1195,9	2691,0	4507,8	6251,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, 2024, NXB Thống kê 2016, 2025)

Phương án	Đ/S
a) Tổng diện tích rừng tăng và sản lượng gỗ khai thác của nước ta tăng liên tục.	
b) Rừng trồng luôn chiếm tỉ trọng cao hơn rừng tự nhiên trong cơ cấu diện tích rừng.	
c) Sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu do tăng cường việc khai thác rừng đặc dụng.	
d) Tổng diện tích rừng tăng chủ yếu do đẩy mạnh trồng rừng, hạn chế khai thác rừng.	

Phần 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (4 câu; 1,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 8 đến câu 11. Trong mỗi câu Học sinh tính toán trả lời câu hỏi và ghi ra bài thi của mình

Câu 8: Tỉnh, thành phố nào ở vùng Nam Trung Bộ giáp vùng Bắc Trung Bộ?

Câu 9: Cho bảng số liệu:

DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH Ở VÙNG NAM TRUNG BỘ,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2024 (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2015	2020	2024
Doanh thu du lịch	1851,4	1049	11670,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, 2024, NXB Thống kê Việt Nam 2016, 2025)

Cho biết năm 2024 so với năm 2015, doanh thu du lịch lữ hành của vùng Nam Trung Bộ tăng bao nhiêu lần? (làm tròn sau số thập phân 1 con số)

Câu 10: Tính đến năm 2024, phần lớn dân cư vùng Đông Nam Bộ sinh sống ở khu vực thành thị hay khu vực nông thôn?

Câu 11: Theo số liệu ngày 01/7/2025, dân số của Đông Nam Bộ là 21,75 triệu người và dân số cả nước là 103,31 triệu người. Tính tỉ trọng dân số của Đông Nam Bộ so với cả nước. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 câu; 1,5 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm)

Trình bày những thế mạnh của tài nguyên khí hậu đối với sự phát triển kinh tế ở vùng Nam Trung Bộ.

Câu 2 (0,5 điểm) Cho bảng số liệu:

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (GIÁ HIỆN HÀNH) Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ GIAI ĐOẠN 2010 – 2024

Năm	2010	2015	2021	2024
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỉ đồng)	616,1	1070,9	1 224,2	1379,0
Tỉ trọng % so với cả nước (cả nước = 100%)	36,7	33,2	27,8	21,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, 2024, NXB Thông kê Việt Nam 2016, 2025)

Nhận xét sự thay đổi của tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành) ở vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010 - 2024.

---Hết---

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
Năm học: 2025 - 2026

Phân môn: ĐỊA LÍ LỚP 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (12 câu; 3,5 điểm)

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (6 câu; 1,5 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	4	D
2	A	5	D
3	A	6	C

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai (1 câu; 1,0 điểm) *Mỗi câu đúng được 0,25 điểm*

Câu	7			
Lệnh hỏi	a)	b)	c)	d)
Đáp án	Đúng	Sai	Sai	Đúng

Phần 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (4 câu; 1,0 điểm) *Mỗi câu đúng được 0,25 điểm*

Câu 8: Đà Nẵng.

Câu 9: 6,3 lần.

Câu 10: Thành thị

Câu 11: 21,1%

II. PHẦN TỰ LUẬN (2 câu; 1,5 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 điểm)	Trình bày những thế mạnh của tài nguyên khí hậu đối với sự phát triển kinh tế ở vùng Nam Trung Bộ.	1,0
	- Khí hậu cận xích đạo, lượng mưa lớn, thuận lợi cho cây trồng, vật nuôi có thể sinh trưởng và phát triển quanh năm; thuận lợi cho phát triển nghề muối, phơi sấy nông sản.	0,5

	- Nhiệt độ cao trên 25 ⁰ C, số giờ nắng trên 2500 giờ, nhiều gió quanh năm, đem đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo, nhất là ở các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hoà,...	0,25
	- Trên một số khu vực núi và cao nguyên, khá mát mẻ, có thể trồng được các loại cây cận nhiệt như chè, cây dược liệu và du lịch.	0,25
2 (0,5 điểm)	Nhận xét	0,5
	- Giai đoạn 2010 - 2024: + Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 762,9 nghìn tỉ đồng.	0,25
	+ Tỷ trọng % so với cả nước giảm 15,3%.	0,25